

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 20-01-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 219/2020/TLST-HS ngày 30/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 05/01/2021 đối với bị cáo:

*** Họ và tên:** Nguyễn Văn X, sinh năm 1992.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12;

- Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969.

- Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.

- Gia đình có 03 con, bị cáo là con thứ hai.

- Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1981.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2020 đến ngày 18/12/2020 thì được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:** Chị An Ánh T2, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 10, ngách 46, ngõ 165, đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng

- Chị Trương Hải H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Bà Đặng Thị L, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Anh Trần Quang C, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 5, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2020, Nguyễn Văn X, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã lập một tài khoản Facebook mang tên “Duong Hoang Anh” và tham gia vào nhóm “Hội nhâm thân Bắc Giang 1992” trên mạng xã hội Facebook. Thông qua các buổi gặp mặt do nhóm “Hội nhâm thân Bắc Giang 1992” tổ chức, X quen biết với chị An Ánh T, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do chị T cũng là thành viên trong nhóm và thường bán các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp và thực phẩm chức năng qua hình thức bán hàng online trên mạng xã hội facebook. Bản thân X không có việc làm ổn định nhưng X tự giới thiệu với chị T mình tên là Dương Hoàng A (Facebook mang tên “Duong Hoang Anh”), sinh năm 1992, quê ở huyện Y, tỉnh Bắc Giang, hiện đang là công an công tác tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang. Cuối tháng 9/2020, qua các buổi nói chuyện, X biết chị T đang có nhu cầu tìm việc làm nên X đã nảy sinh ý định lừa xin việc cho chị T để lấy tiền tiêu xài cá nhân. X nói dối với chị T là có thể xin cho chị T làm văn thư tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang thì được chị T đồng ý. Đầu tháng 10 năm 2020, X đặt mua của chị T 01 hộp tinh dầu nghệ nano của Hàn Quốc và 02 hộp thực phẩm chức năng An cung ngưu hoàng hoàn có giá 5.800.000 đồng. Ngày 11/10/2020, X hẹn gặp chị T tại quán nước ở số 174, đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để lấy hàng cũng như bàn về chuyện xin việc cho chị T. Tại đây, X tiếp

tục nói chuyện với chị T về việc xin việc thì chị T đồng ý nhờ X xin việc cho mình. X nói dối với chị T là muốn sau này vào được biên chế thì cần có chứng chỉ của Trường trung cấp An ninh hết 10.000.000 đồng nhưng X sẽ lo chứng chỉ cho chị T chỉ mất 8.000.000 đồng. Chị T đồng ý sẽ đưa cho X 8.000.000 đồng nhưng chị T không mang theo tiền nên X đề nghị chuyển 5.800.000 đồng tiền mua hàng của chị T thành tiền xin việc thì chị T đồng ý.

Tối ngày 11/10/2020, do không có tiền chi tiêu nên X đã gọi điện cho chị T yêu cầu chị T phải chuẩn bị 5.000.000 đồng để lo việc và hẹn chị T ngày 12/10/2020 chuyển tiền cho X. Sáng ngày 12/10/2020, X vay của bạn gái là chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1992, ở số 10 ngách 46, ngõ 165 phường L, quận N, thành phố H số tiền 5.000.000 đồng và nói với chị Ngọc A là chị T sẽ chuyển khoản trả chị Ngọc A. Đồng thời, X xin số tài khoản ngân hàng của chị Ngọc A. Trưa ngày 12/10/2020, X tiếp tục gọi điện cho chị T yêu cầu chuyển tiền cho mình nhưng do X không có tài khoản ngân hàng nên đã yêu cầu chị T chuyển tiền vào tài khoản 19032799795019 của ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng là số tài khoản ngân hàng của chị Ngọc A. Chị T đồng ý và đưa cho Trần Quang C, sinh năm 1981, trú tại tổ 5, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang 5.000.000 đồng và nhờ anh C dùng tài khoản của anh C tại ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam, số tài khoản 19035797784019 chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị Ngọc A.

Ngày 16/10/2020, do không có tiền tiêu xài, X tiếp tục gọi điện cho chị T yêu cầu chị T chuẩn bị thêm cho X 5.000.000 đồng nữa để X làm “quà biếu sếp” thì chị T đồng ý. Ngày 17/10/2020, X gọi điện yêu cầu chị T chuyển tiền qua tài khoản cho X nhưng do chị T bận không đi chuyển khoản được nên X hẹn buổi chiều cùng ngày X sẽ đến nhà chị T lấy tiền. Khoảng 17 giờ cùng ngày, X một mình đến nhà chị T tại tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, chị T đưa cho X số tiền 5.000.000 đồng và tặng X 02 con gà, bà Đặng Thị L (mẹ T), sinh năm 1956, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang tặng Xuân 05 quả bưởi và 01 túi chanh để cảm ơn X xin việc giúp.

Để chị T tin tưởng mình, khoảng giữa tháng 10/2020, X yêu cầu chị T làm 01 bộ hồ sơ xin việc gồm: Giấy chứng minh nhân dân, bằng tốt nghiệp cao đẳng của chị T (tất cả đều được photo công chứng), giấy xác nhận lý lịch, sơ yếu lý lịch xin việc và 02 ảnh chân dung 4x6 của chị T. Khoảng 14 giờ ngày 23/10/2020, chị T đi cùng bạn là chị Trương Hải H, sinh năm 1996 ở cùng tổ dân phố với T đến trước cửa hiệu sách nhân dân thành phố Bắc Giang đưa cho X bộ hồ sơ xin việc trên. X nhận hồ sơ do T đưa và hẹn chị T sáng ngày 26/10/2020 thì đến cơ quan của X để xem công việc. Sau đó, X đã làm mất bộ hồ sơ trên.

Sáng ngày 26/10/2020, chị T xuống thành phố Bắc Giang để cùng X đi xem việc như đã hẹn nhưng không liên lạc được với X. Đến buổi trưa cùng ngày, X liên hệ với chị T và nói là đang có việc cá nhân, hỏi vay của chị T số tiền 10.000.000

đồng. Chị T nói chỉ mang theo 7.000.000 đồng thì X đề nghị chị T cho X vay số tiền trên. Chị T đồng ý thì X bảo chị Tuyết cứ chờ sẽ có người liên lạc với chị T để lấy tiền. Sau đó X nhờ anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 ở cùng thôn, làm nghề lái xe taxi lên thành phố Bắc Giang để gặp T tại quán cafe Aha ở số 154-156 đường H, phường H, thành phố B để lấy tiền hộ X.

Sau nhiều lần hứa hẹn xin việc nhưng không được, chị T nghi ngờ X có dấu hiệu lừa đảo nên đã đến cơ quan công an trình báo sự việc trên. Khoảng 18 giờ 26/10/2020, tại quán cafe Aha, khi T vừa giao số tiền 7.000.000 đồng cho anh N thì tổ công tác Công an thành phố B có mặt, kiểm tra, phát hiện. Quá trình làm việc, cơ quan công an đã tạm giữ 01 chứng minh thư nhân dân mang số 121628910 tên Nguyễn Văn N và số tiền 7.000.000 đồng.

Ngày 27/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn X. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn X khai nhận đối với số hàng mua của T gồm 01 hộp tinh dầu nghệ nano của Hàn Quốc thì X tặng Ngọc A; 02 hộp thực phẩm chức năng An cung ngưu hoàng hoàn X đưa cho mẹ X là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 ở thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang sử dụng, còn số tiền 10.000.000 đồng X chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra, X còn vay tiền của chị Tuyết 02 lần, tổng số tiền 4.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Cơ quan điều tra đã cho chị An Ánh T, chị Nguyễn Ngọc A và chị Trương Hải H tiến hành nhận dạng qua ảnh, kết quả chị T, chị Ngọc A, chị H đều nhận ra Nguyễn Văn X là đối tượng tự giới thiệu tên Dương Hoàng A và nhận hồ sơ xin việc của T

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 29/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng nêu là đúng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền ông đã bỏ ra bồi thường và trả cho bị hại

Bà L trình bày không biết 02 lọ thực phẩm chức năng do X cho bà là tài sản phạm tội mà có

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Về hình phạt: Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 plus màu đen, số IMEI: 356697087195007, điện thoại cũ đã qua sử dụng, mặt trước được dán bằng miếng dán cường lực trong suốt, mặt sau có ốp lưng bằng da màu đen, trên ốp lưng có in chữ “PLATNUM”. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0985.033.582.

+ Về án phí: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc vợ

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản nhận dạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 10 năm 2020, trên địa bàn thành phố B, bằng thủ đoạn tự giới thiệu là cán bộ công an, Nguyễn Văn X đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tổng số tiền 15.800.000 đồng của chị An

Ánh T, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang bằng hình thức hứa xin việc làm.

[2.1]. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

[2.2]. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của bị hại để chiếm đoạt số tiền 15.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét hành vi, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là con em lao động nhất thời phạm tội, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng bị xét xử; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng trở thành người có ích cho gia đình và xã hội được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước, xong Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, vợ mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình thuộc hộ nghèo nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Anh Nguyễn Văn N là người được bị cáo X nhờ đến gặp chị T để nhận số tiền 7.000.000 đồng mà chị T gửi cho X. Tuy nhiên anh N không biết nội dung giao dịch giữa X và chị T, không biết hành vi lừa đảo của X nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh N là đúng quy định pháp luật.

[8] Chị Nguyễn Ngọc A là người cho bị cáo X mượn thẻ ngân hàng để chị T chuyển tiền cho X và được X tặng 01 hộp tinh dầu nghệ nano của Hàn Quốc để sử dụng. Tuy nhiên, chị Ngọc A không biết hành vi phạm tội của X nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với chị Ngọc A là đúng quy định pháp luật.

[9] Bà Nguyễn Thị L được bị cáo X đưa cho 02 hộp thực phẩm chức năng An cung ngưu hoàng hoàn để sử dụng, nhưng bà L không biết 02 hộp thực phẩm chức năng trên do X phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà L là đúng quy định pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

[10.1] Bị hại là chị An Ánh T đã nhận đủ số tiền bị cáo X chiếm đoạt 15.800.000 đồng và số tiền bị cáo X vay 4.000.000 đồng. Nay chị T không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H đại diện cho gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị T số tiền bị cáo X chiếm đoạt 15.800.000 đồng và số tiền bị cáo X vay 4.000.000 đồng. Anh H không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 plus màu đen, gắn số sim: 0985.033.582; số IMEI: 356697087195007, điện thoại cũ đã qua sử dụng, mặt trước được dán bằng miếng dán cường lực trong suốt, mặt sau có ốp lưng bằng da màu đen, trên ốp lưng có in chữ “PLATNUM” bị cáo có sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/01/2021). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 plus màu đen, số IMEI: 356697087195007, điện thoại cũ đã qua sử dụng, mặt trước được dán bằng miếng dán cường lực trong suốt, mặt sau có ốp lưng bằng da màu đen, trên ốp lưng có in chữ “PLATNUM”. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0985.033.582.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Công an TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Ân